

Số: 262/NQ-ĐHĐCB

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin;

Căn cứ kết quả Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin ngày 28/4/2022.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các báo cáo trình bày tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2022, bao gồm:

1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty với các chỉ tiêu chính sau:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021
1	Vốn điều lệ	tr.đ	18.200
2	Doanh thu	"	172.452
3	Giá trị sản xuất tự làm	"	101.955
4	Lợi nhuận trước thuế	"	5.201
5	Cổ tức	%	12
6	Đầu tư XDCB	tr.đ	4.467
7	Lao động bình quân	người	151
8	Quỹ lương	tr.đ	27.000
9	Thu nhập BQ	ngđ/ng/th	14.901

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch chính thức
1	Vốn điều lệ	tr.đ	18.200
2	Doanh thu	"	175.000
3	Giá trị sản xuất tự làm	"	90.260
4	Lợi nhuận trước thuế	"	5.400
5	Cổ tức	%	≥ 8
6	Đầu tư XDCB	tr.đ	4.970
7	Lao động bình quân	người	150
8	Quỹ lương	tr.đ	24.698
9	Đơn giá tiền lương (không bao gồm quỹ lương Người quản lý Công ty)	đ/1000đ GTSX	252
10	Thu nhập BQ	Ngđ/ng/th	13.721

Đại hội uỷ quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ra quyết định giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022. Trường hợp phải điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 cho phù hợp với điều kiện thực tế thì Đại hội cổ đông uỷ quyền cho HĐQT xem xét ra quyết định điều chỉnh kế hoạch.

2. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021, phương hướng hoạt động năm 2022 theo Văn bản số 311/VITE-HĐQT ngày 20/4/2022.

3. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban kiểm soát, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc năm 2021, thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty theo Văn bản số 315/VITE-BKS ngày 20/4/2022.

4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2021

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm
<u>A- Tình hình tài chính</u>		
I. Tài sản ngắn hạn	139.870.944.474	104.643.673.246
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5.493.901.973	5.729.230.499
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130.604.583.467	94.223.295.152
4. Hàng tồn kho	3.744.586.264	4.656.978.583

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm
5. Tài sản ngắn hạn khác	27.872.770	34.169.012
II. Tài sản dài hạn	22.585.976.010	16.393.606.113
1. Các khoản phải thu dài hạn	245.691.000	245.691.000
2. Tài sản cố định	20.154.213.783	14.060.684.906
2.1. Tài sản cố định hữu hình	20.154.213.783	13.919.280.658
- Nguyên giá	72.923.549.466	75.718.627.955
- Giá trị hao mòn lũy kế	(52.769.335.683)	(61.799.347.297)
2.2. Tài sản cố định vô hình		141.404.248
- Nguyên giá	120.002.467	282.858.136
- Giá trị hao mòn lũy kế	(120.002.467)	(141.453.888)
3. Bất động sản đầu tư		
4. Tài sản dở dang dài hạn		
5. Đầu tư tài chính dài hạn		
6. Tài sản dài hạn khác	2.186.071.227	2.087.230.207
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	162.456.920.484	121.037.279.359
III. Nợ phải trả	126.990.358.537	87.455.742.285
1. Nợ ngắn hạn	121.097.735.790	87.350.279.071
2. Nợ dài hạn	5.892.622.747	105.463.214
IV. Vốn chủ sở hữu	35.466.561.947	33.581.537.074
I. Vốn chủ sở hữu	29.191.078.051	29.150.493.329
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu.	18.200.000.000	18.200.000.000
Trong đó: Vốn góp của Nhà nước	9.282.000.000	9.282.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		
3. Vốn khác của chủ sở hữu	217.854.610	217.854.610
4. Quỹ đầu tư phát triển	5.514.055.757	6.655.006.062
5. Quỹ dự phòng tài chính		
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
7. Lợi nhuận chưa phân phối	5.259.167.684	4.077.632.657
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	6.275.483.896	4.431.043.745
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	162.456.920.484	121.037.279.359
B - Kết quả sản xuất kinh doanh		Năm 2021
1. Tổng doanh thu		172.452.566.424
2. Lợi nhuận trước thuế		5.201.324.828
3. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN		4.077.632.657
4. Tổng phải nộp ngân sách trong năm		5.853.848.391
C- Các chỉ tiêu đánh giá khác		
1. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu (%)		2,37

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm
2. Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ (%)		22,4
3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%) (ROA)		2,88
4. Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (%) (ROE)		13,98
5. Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)		3
6. Tổng quỹ lương		27.000.000.000
7. Số lao động bình quân (người)		151
8. Tiền lương bình quân đ/người/tháng		14.900.662

5. Thông qua Phương án phân chia lợi nhuận năm 2021 như sau:

Phân chia lợi nhuận năm 2021

Nội dung	Giá trị (đồng)
1. Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2021:	5.201.324.828
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp và khác:	1.123.692.171
3. Lợi nhuận sau thuế {(1) - (2)}:	4.077.632.657
3.1 Chia cổ tức năm 2021 (12% vốn điều lệ 18,2 tỷ đồng):	2.184.000.000
3.2 Trích quỹ đầu tư phát triển: (0% LN còn lại sau khi trả cổ tức):	0
3.3 Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ($\leq 0,8$ tháng lương thực hiện của Công ty năm 2021):	1.809.832.657
3.4 Trích quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp (≤ 1 tháng lương thực hiện của người quản lý chuyên trách năm 2021):	83.800.000

Đại hội ủy quyền cho Giám đốc Công ty ra quyết định chia cổ tức năm 2021 cho các cổ đông.

6. Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, Số 1 Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội là công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022. Đại hội ủy quyền cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng thuê kiểm toán năm 2022.

7. Thông qua mức chi trả thù lao cho HĐQT, BKS Công ty.

7.1. Chi trả thù lao cho HĐQT, BKS Công ty năm 2021:

- Chi lương Trưởng ban kiểm soát chuyên trách 2021: **252.000.000 đồng.**

- Chi thù lao năm 2021 (HĐQT, BKS không chuyên trách Công ty): **244.560.000 đồng.**

- Chi thưởng viên chức quản lý không chuyên trách năm 2021: **15.620.000 đồng.**

- Chi thưởng Trưởng ban kiểm soát Công ty năm 2021: **16.370.197 đồng.**

Tổng số tiền thù lao 2021: **528.550.197 đồng.**

7.2. Kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT, BKS Công ty năm 2022:

- Chi lương Trưởng ban kiểm soát chuyên trách: **252.000.000 đồng.**

- Chi thù lao (HĐQT, BKS) không chuyên trách: **249.120.000 đồng.**

Việc chi trả thù lao thực tế của HĐQT, BKS gắn với mức độ đóng góp và hiệu quả sản xuất kinh doanh và kết quả quản lý, điều hành của từng thành viên HĐQT, BKS theo quy định của Nhà nước và Tập đoàn TKV.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. HĐQT, BKS, Giám đốc Công ty có trách nhiệm tiến hành các công việc được Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 uỷ quyền trong Nghị quyết này và các công việc khác thuộc trách nhiệm quy định trong Điều lệ Công ty, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, doanh nghiệp và phù hợp với quy định của Pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Cán bộ quản lý Công ty;
- Đăng Website Công ty;
- Lưu: HĐQT, VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Nguyễn Văn Hải